TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/KDTM-ST
Ngày: 24-8-2026
V/v "Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hiền
Ông Nguyễn Hữu Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Tuấn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 8 năm 2026 và ngày 24 tháng 8 năm 2026, Tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2026/TLST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc giải quyết vụ án tranh chấp *"Hợp đồng mua bán hàng hóa"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 18/2026/QĐST- KDTM ngày 08 tháng 7 năm 2026; Quyết định ngừng phiên tòa số 2026/QĐST- KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2026giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Công ty cổ phần H*
Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị N - Chức vụ: Giám đốc
(vắng mặt)
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L
Do ông Trần Văn T đại diện theo pháp luật (có mặt)
Địa chỉ: Số E, đường N, phường K, tỉnh Bắc Ninh.
**Bị đơn: Công ty TNHH B1.*
Địa chỉ: Số A H, phường V, tỉnh Bắc Ninh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị T1 - chức vụ: Giám đốc
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/03/2026, bản tự khai,người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Trên cơ sở thỏa thuận, ngày 02/01/2023, Công ty CP H có ký kết Hợp đồng mua bán than năm 2023 số: 07/2023/HĐMB/HN-FASHION với Công ty TNHH B1 (sau đây gọi tắt là CÔNG TY B1). Ngày 02/01/2024, tại Công ty CP H có ký kết Hợp

đồng mua bán than năm 2024 số: 02.01/2024/HĐMB/HN-FASHION với Công ty TNHH B1 (sau đây gọi tắt là CÔNG TY B1).

Theo nội dung của 02 Hợp đồng, Bên mua là Công ty TNHH B1 và bên bán là Công ty CP H. Bên mua đồng ý mua các mặt hàng về than cục, than cám các loại của bên bán và B mua phải thanh toán tiền cho bên bán. Thời hạn thanh toán: Bên mua có trách nhiệm thanh toán cho bên bán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn GTGT. Sau khi hợp đồng ký kết, Công ty CP H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng đúng chủng lượng, chất lượng cũng như đầy đủ khối lượng than cho CÔNG TY BT FASHION như thỏa thuận và có đầy đủ hóa đơn, xác nhận của các bên. Căn cứ vào Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ năm 2024 (cụ thể là ngày 31/12/2024) thì hai bên chốt, Công ty TNHH B1 còn nợ Công ty CP H số tiền là 1.083.798.850 đồng (cụ thể ngày 31/12/2023 Công ty TNHH B1 còn nợ Công ty CP H số tiền 770.732.950 đồng; ngày 31/12/2024 Công ty TNHH B1 còn nợ Công ty CP H số tiền 637.389.500 đồng. Tổng số tiền Công ty TNHH B1 còn nợ của hai hợp đồng mua bán than là 1.408.122.450 đồng. Đến năm 2024 Công ty TNHH B1 đã trả được 324.323.600 đồng. Tổng số tiền còn nợ là 1.083.798.850 đồng. Sau khi chốt nợ ngày 31/12/2024, thì đến ngày 24/01/2025 thì phía Công ty TNHH B1 có thanh toán cho Công ty CP H số tiền 100.000.000 đồng theo chi tiết công nợ phải thu đề ngày 24/01/2025. Công ty CP H cũng đã đề nghị CÔNG TY BT FASHION thanh toán vào ngày 06/11/2025, 04/12/2025, 22/12/2025 nhưng CÔNG TY BT FASHION vẫn chưa thanh toán cho Công ty CP H khoản tiền còn nợ trên.

Nay Công ty CP H khởi kiện buộc Công ty TNHH B1 phải thanh toán tổng số tiền công nợ còn nợ cho Công ty CP H là *983.798.850 đồng (Chín trăm tám mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn tám trăm lăm mươi đồng),* không yêu cầu trả lãi chậm trả.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

**Bị đơn Công ty TNHH B1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa đại diện công ty TNHH B1 vắng mặt

**Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 ;Khoản 3 Điều 144; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 -Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 430; Điều 431; Điều 434; Điều 440; Điều 357; khoản 2 - Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 24; Điều 50; Điều 55-Luật thương mại;

Khoản 2 Điều 26 -Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1.Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH B1 có trách nhiệm phải thanh toán cho Công ty CP H, tổng số tiền là *983.798.850 đồng (Chín trăm tám mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn tám trăm lăm mươi đồng).*

2.Về án phí Kinh doanh thương mại:

- Công ty TNHH B1 phải chịu 41.513.965 đồng (Bốn mươi mốt triệu, năm trăm mười ba nghìn, chín trăm sáu lăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại Công ty CP H số tiền 20.757.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003018 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mua hàng hóa chưa thanh toán, căn cứ vào hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các pháp nhân có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại, cụ thể là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS. Bị đơn là pháp nhân có trụ sở đăng ký doanh nghiệp tại phường V, tỉnh Bắc Ninh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh là đúng theo quy định tại tại khoản 1 Điều 30 -Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 -Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện:

Trên cơ sở thỏa thuận, ngày 02/01/2023, Công ty CP H có ký kết Hợp đồng mua bán than năm 2023 số: 07/2023/HĐMB/HN-FASHION với Công ty TNHH B1 (sau đây gọi tắt là CÔNG TY B1). Ngày 02/01/2024, tại Công ty CP H có ký kết Hợp đồng mua bán than năm 2024 số: 02.01/2024/HĐMB/HN-FASHION với Công ty TNHH B1 (sau đây gọi tắt là CÔNG TY B1).

Theo nội dung của 02 Hợp đồng, Bên mua là Công ty TNHH B1 và bên bán là Công ty CP H. Bên mua đồng ý mua các mặt hàng về than cục, than cám các loại của bên bán và B mua phải thanh toán tiền cho bên bán. Thời hạn thanh toán: Bên mua có trách nhiệm thanh toán cho bên bán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa

đơn GTGT. Sau khi hợp đồng ký kết, Công ty CP H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng đúng chủng lượng, chất lượng cũng như đầy đủ khối lượng than cho CÔNG TY BT FASHION như thỏa thuận và có đầy đủ hóa đơn, xác nhận của các bên. Căn cứ vào Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ năm 2024 (cụ thể là ngày 31/12/2024) thì hai bên chốt, Công ty TNHH B1 còn nợ Công ty CP H số tiền là 1.083.798.850 đồng (cụ thể ngày 31/12/2023 Công ty TNHH B1 còn nợ Công ty CP H số tiền 770.732.950 đồng; ngày 31/12/2024 Công ty TNHH B1 còn nợ Công ty CP H số tiền 637.389.500 đồng. Tổng số tiền Công ty TNHH B1 còn nợ của hai hợp đồng mua bán than là 1.408.122.450 đồng. Đến năm 2024 Công ty TNHH B1 đã trả được 324.323.600 đồng. Tổng số tiền còn nợ là 1.083.798.850 đồng. Sau khi chốt nợ ngày 31/12/2024, thì đến ngày 24/01/2025 thì phía Công ty TNHH B1 có thanh toán cho Công ty CP H số tiền 100.000.000 đồng theo chi tiết công nợ phải thu đề ngày 24/01/2025. Công ty CP H cũng đã đề nghị Công ty TNHH B1 thanh toán vào ngày 06/11/2025, 04/12/2025, 22/12/2025 nhưng Công ty TNHH B1 vẫn chưa thanh toán cho Công ty CP H khoản tiền còn nợ trên. Phía bị đơn Công ty TNHH B1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản hợp lệ, nhưng không lên Tòa án làm việc, cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nay, Công ty CP H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH B1 phải thanh toán số tiền còn nợ là 983.798.850 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về lãi suất chậm trả: Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn không yêu cầu xem xét lãi chậm trả, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí Kinh doanh thương mại: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty CP H được chấp nhận nên Công ty TNHH B1 phải chịu số tiền 41.513.965 đồng (Bốn mươi mốt triệu, năm trăm mười ba nghìn, chín trăm sáu lăm đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

-Trả lại Công ty CP H số tiền 20.757.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003018 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Khoản 3 Điều 144; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 -Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 430; Điều 431; Điều 434; Điều 440; Điều 357; khoản 2 - Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 24; Điều 50; Điều 55- Luật thương mại;

Khoản 2 Điều 26 -Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

1.Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH B1 có trách nhiệm phải thanh toán cho Công ty CP H, tổng số tiền là *983.798.850 đồng (Chín trăm tám mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn tám trăm lăm mươi đồng).*

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.Về án phí Kinh doanh thương mại:

- Công ty TNHH B1 phải chịu 41.513.965 đồng (Bốn mươi mốt triệu, năm trăm mười ba nghìn, chín trăm sáu lăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

-Trả lại Công ty CP H số tiền 20.757.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003018 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2 -Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị S

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
TOÀ
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN

Đoàn Thị Oanh